

Số: 258/MN9
Về việc bổ sung dự toán chi
NSNN năm 2020

Tân Bình, ngày 23 tháng 11 năm 2020

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2020

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Tân Bình

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước hiện hành;

Trường Mầm non 9 phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 như sau (đính kèm mẫu biểu số 49).

Đề nghị Phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm tra Phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 của Trường Mầm non 9.

Nơi nhận:

- Như trên;
- KBNN QTB;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Lâm Thị Mộng Trinh

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THON CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019
(Kèm theo quyết định số: 1469/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 của UBND quận Tân Bình)

Chương: 622

Loại: 070

Khoản: 071

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	B	1
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	259.401.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Trong đó: kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương (nguồn 14)	
	Trong đó: kinh phí thực hiện Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	259.401.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	259.401.000
	Trong đó: kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương (nguồn 14)	
	Trong đó: kinh phí thực hiện Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	

STT	Nội dung	Tổng số
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
		
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1048792
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	

Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chi tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ chi.

Số: 55 /QĐ-MN9

Tân Bình, ngày 23 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2020 của Trường Mầm Non 9

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ số 1469/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2020 sự nghiệp Giáo dục – Đào tạo quận Tân Bình;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách năm 2020 của trường Mầm non 9 (có biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu, kế toán trưởng và toàn thể cán bộ giáo viên nhân viên trong trường tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, KT



Lâm Thị Mộng Trinh

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON 9 QUẬN TÂN BÌNH
Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 của UBND quận Tân Bình)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	259.401.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	259.401.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	259.401.000
	10% tiết kiệm chi thường xuyên (nguồn 14)	
	Kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương (nguồn 14)	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	

5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Số: 1469/QĐ-UBND

Tân Bình, ngày 12 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2020
Khối Giáo dục quận Tân Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân quận Tân Bình về dự toán thu, chi ngân sách năm 2020;

Xét Tờ trình số 19/TTr-NS ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2020 cho đơn vị sự nghiệp đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên Khối Giáo dục như sau:

(Đính kèm chi tiết)

Điều 2. Căn cứ dự toán chi Ngân sách Nhà nước được điều chỉnh, bổ sung, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Trưởng phòng Giáo dục - Đào tạo quận Tân Bình và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *Vukar*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TTUB: CT, PCT/VX
- Lưu.



Nguyễn Bá Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH



CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020
KHỐI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO QUẬN TÂN BÌNH

(Đính kèm theo Quyết định số: 146/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 của UBND quận Tân Bình)

DVT: đồng

STT	Tên đơn vị	Chi tiết bổ sung				Ghi chú
		Kinh phí hoạt động thường xuyên	Kinh phí sửa chữa	Kinh phí phụ cấp thâm niên nhà giáo	Tổng cộng	
A	B	1	2	3	4=1+2+3	5
I	KHỐI MẦM NON	812.028.000	0		812.028.000	
1	MN 1	(44.631.000)			(44.631.000)	
2	MN 1A	(79.715.000)			(79.715.000)	
3	MN 2	33.234.000			33.234.000	
4	MN KĐ	(62.478.000)			(62.478.000)	
5	MN 4	80.129.000			80.129.000	
6	MN TSN	108.325.000			108.325.000	
7	MN QUẬN	(126.361.000)			(126.361.000)	
8	MN 5	(47.274.000)			(47.274.000)	
9	MN 6	61.692.000			61.692.000	
10	MN 7	58.983.000			58.983.000	
11	MN TX	93.727.000			93.727.000	
12	MN 9	259.401.000			259.401.000	
13	MN VH	(23.739.000)			(23.739.000)	
14	MN 10	35.630.000			35.630.000	
15	MN PH	(33.153.000)			(33.153.000)	
16	MN 12	4.552.000			4.552.000	
17	MN Hòa Mĩ	162.669.000			162.669.000	
18	MN 13	169.969.000			169.969.000	
19	MN 14	347.783.000			347.783.000	
20	MN BC	(412.242.000)			(412.242.000)	
21	MN 15	225.527.000			225.527.000	
II	KHỐI TIỂU HỌC	(139.095.000)	92.000.000		(47.095.000)	
1	Lê Văn Sĩ	(193.528.000)			(193.528.000)	
2	Tân Sơn Nhất	(113.739.000)			(113.739.000)	
3	Nguyễn Thanh Tuyền	143.137.000			143.137.000	
4	Thân Nhân Trung	(75.278.000)			(75.278.000)	
5	Bình Giã	81.379.000			81.379.000	
6	Hoàng Văn Thụ	(192.882.000)			(192.882.000)	
7	Phạm Văn Hai	(68.088.000)			(68.088.000)	
8	Bạch Đằng	(56.299.000)			(56.299.000)	
9	Chi Lăng	213.177.000	92.000.000		305.177.000	
10Đ	ổng Đa	(135.173.000)			(135.173.000)	

STT	Tên đơn vị	Chi tiết bổ sung				Ghi chú
		Kinh phí hoạt động thường xuyên	Kinh phí sửa chữa	Kinh phí phụ cấp thâm niên nhà giáo	Tổng cộng	
A	B	1	2	3	4=1+2+3	5
11	Banh Văn Trân	(13.198.000)			(13.198.000)	
12	Trần Văn Ôn	172.227.000			172.227.000	
13	Ngọc Hồi	(57.382.000)			(57.382.000)	
14	Phú Thọ Hòa	84.499.000			84.499.000	
15	Lê Thị Hồng Gấm	424.538.000			424.538.000	
16	Nguyễn Văn Trỗi	(97.068.000)			(97.068.000)	
17	Lạc Long Quân	(55.024.000)			(55.024.000)	
18	CMT8	(82.675.000)			(82.675.000)	
19	Nguyễn Khuyến	59.542.000			59.542.000	
20	Trần Quốc Tuấn	(31.061.000)			(31.061.000)	
21	Yên Thế	(122.472.000)			(122.472.000)	
22	Sơn Càng	28.098.000			28.098.000	
23	Trần Quốc Toàn	(205.754.000)			(205.754.000)	
24	Tân Trại	(93.477.000)			(93.477.000)	
25	Nguyễn Văn Kịp	(276.307.000)			(276.307.000)	
26	Phan Huy Ích	523.713.000			523.713.000	
III	KHỐI THCS	546.606.000	170.000.000	200.000.000	916.606.000	
1	Ngô Sĩ Liên	576.922.000			576.922.000	
2	Âu Lạc	(396.892.000)			(396.892.000)	
3	Trần Văn Đăng	(76.631.000)			(76.631.000)	
4	Nguyễn Gia Thiệu	235.247.000			235.247.000	
5	Tân Bình	62.250.000			62.250.000	
6	Quang Trung	220.850.000			220.850.000	
7	Lý Thường Kiệt	22.976.000			22.976.000	
8	Võ Văn Tấn	411.887.000			411.887.000	
9	Phạm Ngọc Thạch	(5.156.000)			(5.156.000)	
10	Ngô Quyền	(40.716.000)			(40.716.000)	
11	Trường Chinh	165.193.000			165.193.000	
12	Hoàng Hoa Thám	(142.172.000)			(142.172.000)	
13	Trần Văn Quang	(487.152.000)	170.000.000	200.000.000	(117.152.000)	
IV	TỔNG CỘNG	1.219.539.000	262.000.000	200.000.000	1.681.539.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

